

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 793/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Thu H, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 538/13 Tỉnh lộ 8, tổ 1, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 175 ấp Đ2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 538/13 Tỉnh lộ 8, tổ 1, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Hà Thị Thu H trình bày:*

Bà và chồng là ông Lê Minh T xây dựng gia đình năm 2003, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C vào ngày 25/11/2003.

Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng bà sống bên gia đình chồng tại xã Ph, huyện C, sống có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào khoảng năm 2015, nguyên nhân do ông T cờ bạc gây ra nợ nần, bà phải phụ trả nợ cho ông T nhiều lần, thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần, ông T còn mang giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đi cầm cố, bà và cha mẹ chồng có khuyên nhủ nhưng ông T không nghe, còn chửi mắng và đánh đập bà, bà đã cùng con về nhà cha mẹ ruột tại huyện Đ, tỉnh Long An sống gần 07 năm nay, bà cảm thấy không thể sống chung với ông T được nữa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông T có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 04/4/2006 và Lê Hà Tấn L, sinh ngày 17/01/2009, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 07/01/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Lê Minh T trình bày:*

Ông và bà Hà Thị Thu H tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2003, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại nhà cha mẹ ông, thời gian đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2021 khi xảy ra dịch bệnh, ông phát hiện bà H có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác bị con ông bắt gặp, sau đó bà H gửi đơn xin ly hôn. Ông cần thêm thời gian suy nghĩ về vấn đề hôn nhân của mình, ông không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng ông có 02 con chung đúng như bà H trình bày, nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Tấn L, ông đồng ý giao cháu Minh T1 cho bà H nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22/11/2021, bà Hà Thị Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Minh T, con chung có 02 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông T cư trú tại số 538/13 Tỉnh lộ 8, tổ 1, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông T nhận trực tiếp và em gái ông T là bà Lê Thị Trúc M nhận thay các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành

phiên Tòa vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Thu H và ông Lê Minh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyền số 01/03 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C cấp ngày 25/11/2003, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì bà và ông T tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình ông T, có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra khoảng năm 2015 do ông T cờ bạc gây ra nợ nần làm bà phải phụ trả nợ, ông T còn cầm cố giấy tờ nhà đất của gia đình, bà đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống gần 07 năm nay, bà nhận thấy giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông T không đến Tòa án để hòa giải, ông không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí sửa đổi, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà H và ông T có 02 con chung tên là Lê Minh T1, sinh ngày 04/4/2006 và Lê Hà Tấn L, sinh ngày 17/01/2009, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tấn L. Xét cháu Minh T1 và Tấn L hiện đang sống với mẹ, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Minh T1 và Tấn L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1

Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Hà Thị Thu H về việc cho ly hôn giữa bà Hà Thị Thu H và ông Lê Minh T.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/03 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C cấp ngày 25/11/2003 cho bà H và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà H và ông T có 02 con tên Lê Minh T1, sinh ngày 04/4/2006 và Lê Hà Tấn L, sinh ngày 17/01/2009.

Giao cháu Minh T1 và Tấn L cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông T xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043444 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**